|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH KON TUM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Kon Tum, ngày 06 tháng 12 năm 2021* |

**BÁO CÁO TÓM TẮT**

**Tình hình kinh tế - xã hội năm 2021, Phương hướng nhiệm vụ năm 2022 và các nội dung trình kỳ họp thứ 2, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII**

Căn cứ Chương trình kỳ họp thứ 2, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, UBND tỉnh báo cáo tóm tắt tình hình kinh tế - xã hội năm 2021, phương hướng nhiệm vụ năm 2022 và các nội dung trình kỳ họp thứ 2, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII như sau:

Tại kỳ họp này, UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh **41 nội dung**, trong đó có **25 Tờ trình** dự thảo Nghị quyết và **16 Báo cáo** chuyên đề. Với khối lượng nội dung trình khá lớn, do dó, UBND tỉnh xin báo cáo tóm tắt tình hình kinh tế - xã hội năm 2021, phương hướng nhiệm vụ năm 2022 và một số nội dung **Tờ trình dự thảo** Nghị quyết trọng tâm, có ảnh hưởng lớn đến đời sống kinh tế - xã hội của nhân dân trên địa bàn tỉnh; đối với các **báo cáo chuyên đề** đã được gửi đến các Đại biểu, xin phép **không trình bày**. Nội dung trình bày tại Báo cáo này đã được cập nhật, bổ sung theo Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 03/12/2021 của Tỉnh ủy về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị năm 2022, các Kết luận tại Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy tháng 11/2021([[1]](#footnote-1)) và tiếp thu ý kiến thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

**1. Về tình hình kinh tế - xã hội năm 2021, phương hướng nhiệm vụ năm 2022**

**a) Những kết quả đạt được năm 2021:**

Mặc dù đối mặc với nhiều khó khăn, thách thức nhưng kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2021 đã được những kết quả quan trọng: Tổng sản phẩm xã hội trên địa bàn (GRDP) năm 2021 **tăng 6,47%** so với năm trước. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo đúng định hướng. Thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng **47,1 triệu đồng**. Thu ngân sách Nhà nước **3.500 tỷ đồng**, đạt **100%** dự toán địa phương giao, bằng **115,4%** so với cùng kỳ. Đã thu hút được **43 dự án** đầu tư với tổng vốn đăng ký gần **13.638 tỷ đồng**. Đến cuối năm có thêm **08 xã** đạt chuẩn nông thôn mới. Giá trị xuất khẩu **290,5 triệu USD**, đạt **179%** kế hoạch. Chất lượng giáo dục-đào tạo có chuyển biến, tỷ lệ thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông tăng so với năm trước. Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 được thực hiện nghiêm. Tỷ lệ hộ nghèo giảm **4%** so với năm 2020. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội ổn định.

**Tuy nhiên,** vẫn còn nhiều chỉ tiêu chủ yếu chưa đạt kế hoạch như: Tăng trưởng kinh tế; thành lập mới doanh nghiệp; diện tích Sâm Ngọc Linh trồng mới; diện tích các cây dược liệu khác trồng mới; thu hút khách du lịch... Sản xuất nông nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn; giải ngân vốn đầu tư công không đạt kế hoạch, tiến độ đầu tư các dự án trọng tâm của tỉnh còn chậm; các chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, cải cách hành chính cải thiện chậm; tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức còn hạn chế. Các hành vi khai thác, vận chuyển, cất giấu lâm sản trái phép còn diễn ra; tội phạm về trật tự xã hội có chiều hướng gia tăng.

**Nguyên nhân của những khuyết điểm, yếu kém** nêu trên chủ yếu do: Quy mô nền kinh tế của tỉnh còn nhỏ, dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp làm cho tăng trưởng ở hầu hết các ngành, lĩnh vực chậm lại. Các cấp, các ngành chưa thực sự chủ động, linh hoạt trong triển khai thực hiện “nhiệm vụ kép” làm ảnh hưởng đến phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của chính quyền ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương có lúc chưa linh hoạt, năng động, quyết liệt, còn sợ trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ có lúc, có việc chưa tốt. Chủ đầu tư còn chậm trễ trong công tác hoàn thiện thủ tục nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành; chưa sâu sát trong công tác đôn đốc, kiểm tra, giám sát tiến độ thi công. Công tác phối hợp giữa chủ đầu tư, chính quyền địa phương trong công tác bồi thường, giải phóng mặt chưa chặt chẽ, đồng bộ;...

**b) Về mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu năm 2022**

**- Mục tiêu chung:** Huy động, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiềm năng, lợi thế của tỉnh, khắc phục thiệt hại, phục hồi sản xuất kinh doanh và tăng trưởng kinh tế, thích ứng linh hoạt, an toàn với đại dịch; phát triển dược liệu, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn với công nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm; đầu tư phát triển đô thị, du lịch, dịch vụ; tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho đầu tư, sản xuất kinh doanh; đẩy mạnh tiến độ thực hiện các công trình, dự án quan trọng, trọng điểm. Đảm bảo an sinh xã hội và phúc lợi xã hội. Đảm bảo quốc phòng, an ninh, tăng cường công tác đối ngoại.

**- Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2022**

**+ Về kinh tế:** Tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh đạt từ **10%** trở lên. Cơ cấu kinh tế: Khu vực Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản: **20-21%**; Khu vực Công nghiệp và Xây dựng: **29-30%**; Khu vực Dịch vụ: **42-43%**. GRDP bình quân đầu người khoảng **52 triệu đồng**. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn **4.000 tỷ đồng**. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội từ **23.000** tỷ đồng trở lên (*trong đó vốn đầu tư khu vực tư nhân 16.400 tỷ đồng*). Thành lập mới **310** doanh nghiệp. Giá trị xuất khẩu **270 triệu USD**. Diện tích cây ăn quả trồng mới **3.000 ha**; diện tích cây Mắc Ca trồng mới **1.000 ha**; diện tích Sâm Ngọc Linh trồng mới **500 ha**; các cây dược liệu khác trồng mới **2.000 ha**. Xây dựng thêm **02 sản phẩm** tham gia vào chuỗi giá trị các sản phẩm quốc gia. Tổng đàn bò **84.500 con**. Trồng mới trên **4.000 ha rừng**; tỷ lệ che phủ rừng (*có tính cây cao su*) đạt **63,1%**. Phấn đấu có thêm **08 xã** đạt chuẩn nông thôn mới. Phấn đấu đạt **900.000** lượt khách du lịch đến tỉnh.

+ **Về văn hóa-xã hội và môi trường:** Dân số trung bình năm 2022 khoảng **580.000 người**. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt **55,7%**; trong đó đào tạo nghề đạt **39,6%**. Giải quyết việc làm cho **5.800 lao động** trở lên. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2021-2025 giảm ít nhất **4%/năm**. Phấn đấu nâng tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông chuyển sang học nghề lên **20%**. Phấn đấu **44%** số trường mầm non, **67%** số trường tiểu học, **45%** số trường trung học cơ sở, **50%** số trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia. Số giường bệnh trên một vạn dân (không tính giường trạm y tế xã) đạt **40,3** giường. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt **90,82%**. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi còn dưới **32,7%**. Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa đạt **56%**; tỷ lệ thôn, làng, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa đạt **84%**. Tỷ lệ hộ gia đình ở đô thị sử dụng nước sạch đạt **90%**. Tỷ lệ hộ gia đình ở khu vực nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt **92%**. Tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số có đất ở đạt **97,06%**. Tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số có đất sản xuất đạt **97,18%**. Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt **100%**; tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường **83,5%**.

**+ Về quốc phòng, an ninh:**Duy trì trên **70%** xã, phường, thị trấn mạnh về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; trên **70%** xã, phường, thị trấn, khu dân cư, cơ quan, trường học đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự; tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố đạt **90%** trở lên; tỷ lệ tội phạm về trật tự xã hội giảm **5%**.

**c)** **Về** **các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2022:** Ủy ban nhân dân tỉnh đã cập nhật và hoàn thiện các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2022 theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI số 07-NQ/TU ngày 03/12/2021.

**2. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách tỉnh năm 2022**

**a) Dự toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Kon Tum năm 2022 với các chỉ tiêu sau:**

***- Dự toán thu ngân sách năm 2022:***

**+** Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn **4.000.000 triệu đồng**; Trong đó, dự toán tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao **1.213.000 triệu đồng.**

+ Dự toán thu ngân sách địa phương **8.548.648 triệu đồng.**

***- Dự toán chi ngân sách năm 2022:*** Dự toán chi ngân sách địa phương quản lý là **8.597.048 triệu đồng**, bao gồm:

+ Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (bao gồm cả bội chi ngân sách địa phương) **7.150.317 triệu đồng**; trong đó:

Chi cân đối ngân sách địa phương **7.101.917 triệu đồng**, gồm: Chi đầu tư phát triển 808.020 triệu đồng, chi thường xuyên 4.959.919 triệu đồng, chi trả nợ lãi vay 2.200 triệu đồng, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 1.000 triệu đồng, dự phòng 142.038 triệu đồng, chi từ nguồn tăng thu các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao (phân bổ cho các dự án, nhiệm vụ theo tiến độ nguồn thu thực tế) 1.188.740 triệu đồng.

Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương **48.400 triệu đồng.**

+ Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách Trung ương để thực hiện các chương trình mục tiêu, các chế độ, nhiệm vụ và chính sách theo quy định **1.446.731 triệu đồng.**

**b) Dự toán chi cân đối ngân sách tỉnh (Bao gồm cả bội chi ngân sách địa phương) 3.414.916 triệu đồng**

- Dự toán chi cân đối ngân sách cấp tỉnh **3.145.608 triệu đồng**, trong đó: Chi đầu tư phát triển 322.529 triệu đồng; Chi thường xuyên 1.741.764 triệu đồng; Chi trả nợ lãi vay 2.200 triệu đồng; Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính 1.000 triệu đồng; Chi từ nguồn tăng thu các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao *(phân bổ cho các dự án, nhiệm vụ theo tiến độ nguồn thu thực tế)* 1.010.785 triệu đồng; Dự phòng 67.330 triệu đồng.

- Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương **48.400 triệu đồng.**

- Chi bổ sung nhiệm vụ cụ thể cho ngân sách cấp huyện **220.908 triệu đồng**, trong đó: Bổ sung phân cấp vốn đầu tư phát triển 205.119 triệu đồng; nhiệm vụ cụ thể vốn sự nghiệp 15.789 triệu đồng.

**c) Bổ sung nhiệm vụ cụ thể nguồn cân đối ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách huyện, thành phố 2.645.525 triệu đồng, bao gồm:**

- Bổ sung cân đối ngân sách 2.424.617 triệu đồng.

- Phân cấp vốn đầu tư phát triển; bổ sung nhiệm vụ cụ thể vốn sự nghiệp: 220.908 triệu đồng.

**3. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Kon Tum**

**a)** Tổng kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh Kon Tum là **1.784.041 triệu đồng**, tăng **934.421 triệu đồng** so với mức vốn trung ương giao (*gồm nguồn thu tiền sử dụng đất giao tăng 927.621 triệu đồng và nguồn thu để lại để đầu tư 6.800 triệu đồng*), trong đó:

- Số vốn phân bổ chi tiết **1.467.668 triệu đồng**, gồm: nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức là **506.220 triệu đồng**; nguồn thu tiền sử dụng đất **869.248 triệu đồng**; nguồn thu xổ số kiến thiết **37.000 triệu đồng**; bội chi ngân sách địa phương **48.400 triệu đồng** và nguồn thu để lại **6.800 triệu đồng.**

- Số vốn chưa phân bổ chi tiết là **316.373 triệu đồng**, gồm: nguồn thu tiền sử dụng đất là **293.373 triệu đồng** và nguồn thu xổ số kiến thiết là **23.000 triệu đồng.**

**b)** Đối với số vốn chưa phân bổ chi tiết, Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết kế hoạch vốn cho các dự án, nhiệm vụ khi đảm bảo điều kiện theo đúng quy định.

**c)** Đối với nguồn thu sử dụng đất chưa phân bổ: Căn cứ tiến độ nguồn thu thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét phân bổ chi tiết cho các dự án để triển khai thực hiện.

**4. Các Tờ trình dự thảo Nghị quyết về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư công:**

Tại kỳ họp lần này, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư đối với **03 dự án** đầu tư công gồm: **(1)** Dự án Tôn tạo, phục hồi, sửa chữa, xây dựng Di tích lịch sử cách mạng khu Căn cứ Tỉnh ủy Kon Tum với tổng mức đầu tư khoảng **15.300 triệu đồng**; **(2)** Dự án: Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Kon Tum với tổng mức đầu tư khoảng **26.910 triệu đồng**; **(3)** Dự án: Chuyển đổi, triển khai hệ thống mạng, bảo mật internet (IPv6) và hệ thống phân giải tên miền (DNSSEC) tỉnh Kon Tum với tổng mức đầu tư khoảng **44.960 triệu đồng**.

**5. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về thông qua Đề án phát triển các vùng kinh tế động lực tỉnh Kon Tum tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

**a) Mục tiêu**

**-** Mục tiêu tổng quát: Xây dựng thành phố Kon Tum và huyện Kon Plông trở thành trung tâm kinh tế, giữ vai trò nòng cốt, có đóng góp quan trọng vào sự phát triển của tỉnh.

**-**  Mục tiêu cụ thể:Thành phố Kon Tum sớm được công nhận đô thị loại II, có sự phát triển mạnh mẽ về công nghiệp-thương mại-dịch vụ và hạ tầng đô thị vào năm 2025; tiến đến đạt đô thị loại I và trở thành đô thị xanh, hiện đại, thông minh vào năm 2030.Huyện Kon Plông trở thành vùng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trọng điểm của tỉnh vào năm 2025. Xây dựng Trung tâm huyện lỵ Kon Plông gắn với Khu du lịch sinh thái Măng Đen trở thành điểm du lịch đa dạng, phong phú về loại hình với thương hiệu riêng, hạ tầng hiện đại, chất lượng phục vụ đạt tiêu chuẩn quốc tế vào năm 2025; xây dựng trung tâm du lịch-hội nghị-nghỉ dưỡng mang tầm quốc gia, đậm bản sắc văn hóa dân tộc và trở thành trung tâm du lịch hàng đầu của khu vực Tây Nguyên vào năm 2030.

**b) Nhiệm vụ, giải pháp chung**

- Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng và thị trường bất động sản: Nâng cao chất lượng công tác tổ chức, lập, thẩm định; rà soát, tích hợp một số quy hoạch ngành, chuyên ngành, quy hoạch đã được phê duyệt. Quan tâm bố trí nguồn lực cho việc lập các đồ án quy hoạch chi tiết nhằm tăng tỷ lệ phủ kín đồ án quy hoạch chi tiết. Xây dựng và thực hiện các biện pháp kiểm soát sự phát triển theo quy hoạch, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các sai phạm về đất đai.

- Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng cường thu hút đầu tư: Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính của tỉnh và các địa phương vùng kinh tế động lực theo đúng định hướng Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021-2030, gắn cải cách thủ tục hành chính với cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh. Nâng cao hiệu quả công tác quảng bá hình ảnh địa phương và xúc tiến, kêu gọi đầu tư, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư hiệu quả, thúc đẩy ứng dụng công nghệ cao, nhất là tại huyện Kon Plông. Thực hiện tốt công tác rà soát, chuẩn bị quỹ đất sạch, xây dựng danh mục để làm cơ sở cung cấp thông tin, xúc tiến, kêu gọi đầu tư. Thu hút có chọn lọc các nhà đầu tư, doanh nghiệp có năng lực để thực hiện dự án. Xây dựng các mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng kinh tế động lực: Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Ưu tiên các nguồn lực từ ngân sách nhà nước (nguồn vốn của Trung ương, vốn ngân sách địa phương, vốn vay ODA…) và đẩy mạnh xã hội hoá để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu; tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước. Triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Có cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh. Từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các vùng kinh tế động lực theo định hướng khai thác lợi thế của từng vùng. Tăng cường liên kết phát triển giữa các vùng kinh tế động lực, tạo sự lan tỏa và thúc đẩy phát triển các địa phương khác trên địa bàn tỉnh.

- Cơ chế, chính sách hỗ trợ, liên kết, Quản lý tài nguyên và môi trường: Có cơ chế đặc thù trong phân cấp quản lý ngân sách giai đoạn 2022-2025. Đẩy nhanh việc triển khai thực hiện các chính sách, chương trình, đề án tại các vùng kinh tế động lực. Có chính sách hỗ trợ đào tạo lao động chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp; xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn để nâng cao giá trị sản phẩm, tạo lập thương hiệu có sức cạnh tranh trên thị trường. Khai thác và sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả các nguồn tài nguyên. Đẩy mạnh đầu tư hệ thống xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải y tế, chất thải độc hại.

**c) Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể cho từng vùng kinh tế động lực:**

- ***Vùng kinh tế động lực thành phố Kon Tum:***

***+*** Phát triển thương mại-du lịch-dịch vụ, kinh tế đô thị: Tăng cường liên kết, hội nhập với các thành phố lớn; phát triển mạnh về quy mô, chất lượng và phong phú, đa dạng các loại hình thương mại-du lịch-dịch vụ. Phát triển, mở rộng hệ thống phân phối hàng hóa hiện đại, thu hút các tập đoàn phân phối lớn; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp và các mô hình kinh tế tập thể trên địa bàn. Tập trung thu hút đầu tư, phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, có thương hiệu, có trọng tâm, trọng điểm trên cơ sở khai thác có hiệu quả tiềm năng của địa phương. Phát triển ổn định, lành mạnh và bền vững hệ thống tài chính, ngân hàng. Quan tâm đầu tư phát triển hạ tầng vận tải, kho bãi; Đẩy mạnh xã hội hóa và hình thành các cơ sở giáo dục chất lượng cao; phát triển các cơ sở y tế.

***+*** Phát triển các đô thị mới và đầu tư xây dựng mở rộng không gian đô thị thành phố Kon Tum: Tiếp tục đầu tư chỉnh trang đô thị, đầu tư phát triển các khu đô thị mới và cải tạo, nâng cấp các khu đô thị hiện có. Quy hoạch, đầu tư theo hướng mở rộng không gian đô thị thành phố Kon Tum, lấy sông Đăk Bla làm trung tâm để tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, tạo cảnh quan, phát triển thương mại-dịch vụ-du lịch. Tiếp tục quy hoạch, sắp xếp các thôn, làng đồng bào dân tộc thiểu số trong nội thành, gắn với quy hoạch, chỉnh trang, bảo tồn một số làng đồng bào dân tộc thiểu số, đầu tư phát triển các khu đô thị mới theo mô hình đô thị xanh, đô thị thông minh, có bản sắc riêng, nhất là hai bên bờ sông Đăk Bla. Triển khai thực hiện dự án “Cải thiện cơ sở hạ tầng môi trường đô thị giảm thiểu tác động biến đổi khí hậu thành phố Kon Tum (Hợp phần: Hệ thống thoát và xử lý nước thải thành phố Kon Tum)” từ nguồn vốn ODA của Chính phủ Phần Lan.

***+*** Phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Quy hoạch, bố trí, thiết kế các mô hình khu công nghiệp, cụm công nghiệp phù hợp, hiện đại, thân thiện với môi trường. Tăng cường xã hội hóa đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Đẩy mạnh việc thu hút đầu tư vào công nghiệp chế biến, các doanh nghiệp có liên kết về chuỗi cung ứng vào các khu, cụm công nghiệp. Sắp xếp, bố trí lại các ngành nghề có khả năng gây ô nhiễm trong khu dân cư và tiếp tục đầu tư hệ thống xử lý môi trường, xử lý nước thải tại các cụm công nghiệp chưa được đầu tư hoàn thiện.

***- Vùng kinh tế động lực huyện Kon Plông***

*+*Đầu tư cơ sở hạ tầng và phát triển du lịch: Quy hoạch xây dựng thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông đảm bảo tầm nhìn chiến lược dài hạn; rà soát các quy hoạch chi tiết cho phù hợp với định hướng phát triển của địa phương, đảm bảo giữ vững đặc trưng về khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, hệ sinh thái rừng. Tập trung đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng trung tâm huyện và hạ tầng du lịch, các khu, điểm du lịch, hệ thống giao thông. Phát huy các lợi thế tự nhiên và truyền thống văn hóa, phong tục tập quán của các dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện. Xây dựng, phát triển thương hiệu du lịch Măng Đen mang tầm quốc gia.

+ Phát triển nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, dược liệu: Tăng cường giới thiệu, quảng bá tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư hiệu quả, thúc đẩy ứng dụng công nghệ cao. Phát huy hiệu quả hoạt động Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Măng Đen; chú trọng thu hút đầu tư phát triển vùng cây ăn quả, rau, hoa và một số cây trồng phù hợp. Phát triển vùng dược liệu tại các vùng có điều kiện gắn với chế biến.

*+*Hướng đến sự phát triển đồng bộ, cân bằng: Tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng thiết yếu cho các xã; xây dựng mối liên kết, hỗ trợ về kinh tế giữa các các xã để để phát triển kinh tế-xã hội.

**c) Nguồn lực thực hiện:** Khoảng 77.025 tỷ đồng, gồm: nguồn ngân sách nhà nước khoảng 8.780 tỷ đồng (trong đó: nguồn cân đối ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư vùng kinh tế động lực là 300 tỷ đồng, gồm: thành phố Kon Tum: 194 tỷ đồng và huyện Kon Plông: 106 tỷ đồng); nguồn vốn đầu tư từ khu vực tư nhân và các nguồn khác khoảng 68.245 tỷ đồng.

**6. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về thông qua Đề án đề nghị công nhận thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum là đô thị loại II**

**a) Hướng phát triển chủ đạo của khu vực nội thành, ngoại thành:**

- Hướng phát triển chủ đạo của khu vực nội thị:

+ Theo trục dọc là hai bên đường Hồ Chí Minh qua đô thị (đường Phan Đình Phùng, Tôn Đức Thắng và Phạm Văn Đồng). Khống chế về phía Đông đô thị là tuyến tránh đường Hồ Chí Minh qua đô thị; về phía Tây là tuyến đường trục chính phía Tây thành phố.

+ Theo trục ngang là hai bên bờ sông Đăk Bla. Khống chế về phía Bắc là giao lộ đường Phan Đình Phùng kéo dài - Tuyến tránh đường Hồ Chí Minh qua đô thị; về phía Nam là giao lộ đường Phạm Văn Đồng kéo dài - Tuyến tránh đường Hồ Chí Minh qua đô thị.

- Hướng phát triển chủ đạo của khu vực ngoại thị: Được tổ chức phân tán theo mô hình cụm, điểm trên các đường tỉnh, đường liên xã.

- Hệ thống trung tâm được tổ chức theo mô hình đa trung tâm: Trung tâm chính trị - hành chính, giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa - thể dục thể thao, thương mại, du lịch... bố trí tại những vị trí phù hợp theo chức năng. Các khu nhà ở được hình thành, phù hợp với điều kiện địa hình và được phân cách bởi các hành lang xanh cây xanh - mặt nước dọc theo sông, suối.

- Các làng đồng bào dân tộc thiểu số được bảo tồn và phát triển cấu trúc không gian (*ở, sinh hoạt cộng đồng, sản xuất*) theo hướng phát triển các loại hình dịch vụ, sản xuất truyền thống nhằm từng bước cải thiện chất lượng cuộc sống, hạn chế đến mức tối đa ảnh hưởng tiêu cực của quá trình đô thị hóa.

**b) Định hướng tổ chức không gian đô thị, dự kiến ranh giới hành chính nội thành, ngoại thành**

***- Mô hình phát triển và cấu trúc đô thị:*** Phát triển thành phố Kon Tum thành một thành phố hiện đại, sôi động và bền vững theo mô hình “Thành phố xanh mới - New Green City”. Cấu trúc đô thị đa trung tâm, dựa trên hệ thống giao thông tổ chức dạng hướng tâm, vành đai và hành lang xanh dọc sông Đăk Bla và các suối.

***- Phân vùng không gian đô thị:*** Toàn thành phố hình thành 06 vùng cảnh quan theo địa hình đặc trưng, gồm:

+ Vùng đô thị lõi: Với diện tích tự nhiên khoảng 1.460ha nằm dọc hai bên bờ sông Đăk Bla (bao gồm các phường Quyết Thắng, Thống Nhất, Thắng Lợi: một phần các phường: Quang Trung, Trường Chinh, Nguyễn Trãi, Lê Lợi và một phần các xã Vinh Quang, Chư Hreng và Đăk Rơ Wa), là nơi tập trung dân cư mật độ cao, bố trí các trung tâm chính trị - hành chính cấp tỉnh, cấp thành phố và trung tâm tài chính - thương mại - dịch vụ; trung tâm văn hóa - thông tin - triển lãm; trung tâm dịch vụ du lịch.

+ Vùng đô thị trung tâm: Với diện tích tự nhiên khoảng 2.303ha, nằm tiếp giáp vùng đô thị lõi (bao gồm một phần các phường: Trường Chinh, Quang Trung, Duy Tân, Nguyễn Trãi, Lê Lợi và một phần các xã: Vinh Quang, Đoàn Kết, Chư Hreng, Đăk Rơ Wa, Đăk Blà), là khu vực phát triển đan xen giữa cải tạo chỉnh trang khu đô thị hiện hữu và xây dựng các khu đô thị mới, bố trí các trung tâm chuyên ngành y tế cấp vùng, thể dục thể thao cấp tỉnh và các trung tâm thương mại - dịch vụ cấp khu vực.

+ Vùng đô thị lân cận trung tâm: Với diện tích tự nhiên khoảng 3.517ha, nằm ở khu vực cửa ngõ phía Bắc và cửa ngõ phía Nam khu vực nội thị (*bao gồm các phường: Ngô Mây, Trần Hưng Đạo và một phần các xã: Đăk Cấm, Đoàn Kết, Hòa Bình, Chư Hreng, Đăk Rơ Wa, Đăk Blà*), là khu vực định hướng phát triển các khu, cụm công nghiệp; các trung tâm logistics, chợ đầu mối, bến xe liên tỉnh và trung tâm giáo dục - đào tạo (làng đại học).

+ Vùng cây xanh lõi: Là vùng cây xanh dọc hai bên bờ sông Đăk Bla (với diện tích tự nhiên khoảng 2.598ha, kể cả mặt nước sông Đăk Bla), là không gian công viên trung tâm kết hợp với dải cây xanh công cộng với chức năng nghỉ ngơi, vui chơi giải trí, du lịch sinh thái dọc sông.

+ Vùng bảo tồn sinh thái Đăk Bla: Gồm phần lớn diện tích còn lại của thành phố Kon Tum, định hướng bố trí các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật (*nghĩa trang, trạm xử lý rác thải, trạm điện...*) phục vụ đô thị; phát triển các điểm dân cư nông thôn gắn với không gian sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng sinh thái, chất lượng cao.

+ Vùng du lịch sinh thái Ia Ly: Nằm ở khu vực giáp ranh giữa thành phố Kon Tum và huyện Sa Thầy, được định hướng trở thành Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp trên cơ sở khai thác điều kiện tự nhiên và mặt nước lòng hồ thủy điện Ia Ly.

***- Dự kiến ranh giới nội, ngoại thị:***

+ Ranh giới nội thị: Dự kiến đến năm 2025, thành phố Kon Tum có 12 phường (10 phường nội thị hiện có và 02 phường mới: Vinh Quang và Đăk Cấm); đến năm 2030, thành phố Kon Tum có 13 phường (thêm một phường mới tại khu vực phía Đông phường Lê Lợi thuộc một phần xã Chư Hreng và xã Đăk Rơ Wa), ưu tiên tập trung phát triển trong phạm vi giới hạn theo hướng phát triển chủ đạo của khu vực nội thị.

+ Ranh giới ngoại thị: Ngoài phạm vi ranh giới nội thị, được định hướng bố trí các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật (*nghĩa trang, trạm xử lý rác thải, trạm điện...*) phục vụ đô thị; phát triển các điểm dân cư nông thôn gắn với không gian sản xuất nông nghiệp....

**c) Chương trình, dự án ưu tiên đầu tư:** Triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung theo Chương trình phát triển đô thị thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum đến năm 2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 22/3/2021.

**7. Tờ trình dự thảo Nghị quyết phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương và phân bổ kết dư ngân sách tỉnh năm 2020**

**a) Phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2020 với các nội dung chủ yếu sau:**

**- Tổng quyết toán ngân sách địa phương năm 2020**: Tổng thu ngân sách địa phương 14.874.623.847.005 đồng; Tổng chi ngân sách địa phương 14.811.726.398.670 đồng; Kết dư ngân sách địa phương 62.897.448.335 đồng.

- **Quyết toán ngân sách địa phương năm 2020** (sau khi loại trừ số bổ sung chuyển giao trợ cấp từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách huyện và cấp huyện bổ sung cho cấp xã): Tổng thu ngân sách địa phương 10.880.625.766.612 đồng; Tổng chi ngân sách địa phương 10.817.728.318.277 đồng; Kết dư ngân sách địa phương 62.897.448.335 đồng.

- **Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020:** Tổng thu ngân sách tỉnh 9.055.701.497.423 đồng; Tổng chi ngân sách tỉnh 9.027.414.685.049 đồng; Kết dư ngân sách tỉnh 28.286.812.374 đồng.

**b) Phân bổ kết dư ngân sách tỉnh năm 2020 như sau:** Phân bổ 8.400.000.000 đồng để trả gốc vay, lãi vay đến hạn trả các dự án vay lại từ nguồn vốn nước ngoài của Chính phủ. Trích 50% bổ sung vào quỹ dự trữ tài chính địa phương (làm tròn) 9.943.000.000 đồng.Chuyển vào thu ngân sách tỉnh năm 2021 là 9.943.812.374 đồng.

**8. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về kế hoạch vay, trả nợ công năm 2022**

a) Tổng mức vay từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại trong năm 2022 là **57.000 triệu đồng.**

b) Kế hoạch chi từ nguồn vay, nguồn ngân sách địa phương, kết dư ngân sách cấp tỉnh, tăng thu, tiết kiệm chi để trả nợ gốc, lãi vay và các loại phí vay trong năm 2022 là **10.800 triệu đồng.**

c) Kế hoạch vay, trả nợ từng dự án, chương trình cụ thể như sau:

- Vay để chi đầu tư phát triển: Tổng mức vay **48.400 triệu đồng** *(Gồm 03 danh mục dự án, chương tình thuộc cấp tỉnh đầu tư: Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập; Dự án Hỗ trợ phát triển Khu vực biên giới tiểu dự án tỉnh Kon Tum; Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả).*

*-* Vay để trả nợ gốc: Tổng mức vay **8.600 triệu đồng** *(Gồm 03 danh mục dự án, chương tình thuộc cấp tỉnh đầu tư: Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập; Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Kon Tum và Chương trình Mở rộng quy mô nước sạch và vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả đầu ra).*

c) Kế hoạch chi để trả nợ gốc vay, trả lãi và các loại phí vay **10.800 triệu đồng.** Trong đó, ngân sách cấp tỉnh chi 10.800 triệu đồng *(trả nợ gốc 8.600 triệu đồng; trả lãi và các loại phí vay 2.200 triệu đồng)*.

**9. Tờ trình dự thảo Nghị quyết giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước tỉnh Kon Tum năm 2022**

Tổng biên chế công chức tỉnh Kon Tum năm 2022 là **1.929 chỉ tiêu**; trong đó: Biên chế giao cho các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước năm 2022 là **1.922 chỉ tiêu** và biên chế công chức dự phòng là **07 chỉ tiêu**.

**10. Tờ trình dự thảo Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 73/2020/NQ-HĐND ngày 14/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức chi hỗ trợ, mức tặng quà cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

**a)** Sửa đổi "*Mức tặng quà cho người có công tiêu biểu nhân ngày Thương binh Liệt sĩ Ngày 27 tháng 7 hằng năm*"(tại mục 04 Phụ lục 01 Nghị quyết số 73/2020/NQ-HĐND) từ **500.000 đồng/suất quà** lên **1.500.000 đồng/suất quà**.

**b)** Sửa đổi "*Mức hỗ trợ thăm hỏi, động viên, biểu dương đối với hộ dân tộc thiểu số tiêu biểu nhân dịp Tết Nguyên đán hằng năm*"(tại mục 01 Phần I Phụ lục 02 Nghị quyết số 73/2020/NQ-HĐND) từ **500.000 đồng/hộ/năm** lên **1.000.000 đồng/hộ/năm.**

**c)** Sửa đổi "*Mức tặng quà cho người có công tiêu biểu nhân dịp Tết Nguyên đán hằng năm*"(tại mục 04 Phần I Phụ lục 02 Nghị quyết số 73/2020/NQ-HĐND) từ **500.000 đồng/suất quà** lên **1.500.000 đồng/suất quà.**

**d)** Sửa đổi, bổ sung nội dung tại dấu (\*) Phụ lục 02, Nghị quyết số 73/2020/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau: “*Đối tượng cụ thể thực hiện theo Kế hoạch thăm chúc Tết của cấp có thẩm quyền. Trường hợp phát sinh thêm các đối tượng theo Kế hoạch của cấp có thẩm quyền thì mức hỗ trợ và mức quà tặng được áp dụng theo mức của các đối tượng, nhóm đối tượng có tính chất tương đồng được quy định tại Phụ lục 02 Nghị quyết này*”.

**11. Tờ trình dự thảo Nghị quyết ban hành danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2022 và các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

Tại Tờ trình 223/TTr-UBND ngày 26/11/2021, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh cụ thể như sau:

**-** Tổng số dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải **thu hồi đất** trong năm 2022 là **370 dự án/6.596,58 ha**.

**-** Tổng số các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng **đất trồng lú**a vào mục đích khác là **26 dự án/47,26ha**; Tổng số các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất **rừng phòng hộ** vào mục đích khác là **06dự án/57,07ha.**

Sau khi tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế Ngân sách, UBND tỉnh điều chỉnh lại danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2022 và các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum như sau:

**-** Tổng số dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải **thu hồi đất** trong năm 2022 là **20 dự án/662,7 ha**.

**-** Tổng số các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng **đất trồng lú**a vào mục đích khác là **20 dự án/ 25,56 ha.** Tổng số các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất **rừng phòng hộ** vào mục đích khác là **03 dự án/ 24,52 ha.**

**12. Tờ trình dự thảo Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 26/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của HĐND tỉnh về Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.** Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết như sau:

Sửa đổi, bổ sung tiết 2.1, 2.3 điểm 2 khoản III Điều 1 Nghị quyết số 26/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 *(đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị quyết số 74/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)* như sau:

*"2.1. Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn gồm* ***202 điểm****; tổng diện tích đất sử* ***dụng 4.438,2 ha****.*

*2.3. Khoáng sản phân tán nhỏ lẻ được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định, công bố:**gồm* ***05 điểm*** *(03 điểm Quarzit; 01 điểm Serpentin; 01 điểm vàng gốc); tổng diện tích* ***49,87 ha****."*

**Ngoài các nội dung đã trình bày nêu trên,** Ủy ban nhân dân tỉnh cũng đã có các Tờ trình trình Hội đồng nhân dân tỉnh: **(1)** Tờ trình dự thảo Nghị quyết ban hành danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum; **(2)** Tờ trình dự thảo Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum; **(3)** Tờ trình dự thảo Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ cho trẻ em, giáo viên, cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Kon Tum; **(4)** Tờ trình dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung và mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 tại tỉnh Kon Tum; **(5)** Tờ trình dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Kon Tum; **(6)** Tờ trình dự thảo Nghị quyết Quy định về mức chi phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kon Tum; **(7)** Tờ trình dự thảo Nghị quyết Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022; **(8)** Tờ trình dự thảo Nghị quyết Quy định về phân cấp ngân sách nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2022-2025; **(9)** Tờ trình dự thảo Nghị quyết Quy định mức tiền công cụ thể cho từng chức danh thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi đối với giáo dục phổ thông; nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục-đào tạo trên địa bàn tỉnh Kon Tum; **(10)** Tờ trình dự thảo Nghị quyết Quy định một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp; **(11)** Tờ trình dự thảo Nghị quyết Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng khó khăn chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Các Tờ trình trên đã được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, do thời gian hạn có Ủy ban nhân dân tỉnh xin phép không trình bày.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo và kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

1. () Số 360-CV/TU ngày 03/12/2021 về chủ trương đầu tư dự án Tôn tạo, phục hồi, sửa chữa, xây dựng Di tích lịch sử cách mạng khu Căn cứ Tỉnh ủy Kon Tum; Số 356-CV/TU ngày 03/12/2021 đối với nội dung sửa đổi, bổ sung các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 73/2020/NQ-HĐND ngày 14/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức chi hỗ trợ, mức tặng quà cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh Kon Tum. [↑](#footnote-ref-1)